

Bản án số: 126/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-12-2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Phương Loan

2. Bà Nguyễn Thị Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh TNây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 556/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Di X, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp Tr, xã Th, huyện TC, tỉnh TN;

Tạm trú: Ô 7, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L.

- Bị đơn: Chị Lê Bích T, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Tổ 10, ấp X1, xã H1, huyện G, tỉnh TN.

Anh X và chị T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-7-2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Lê Di X trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Bích T chung sống với nhau từ tháng 9-2009, hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Anh chị chung sống có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh.

Sau khi cưới, vợ chồng tôi thuê nhà và sống chung với nhau tại huyện Đ,

tỉnh L. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau về nhiều vấn đề nhưng chủ yếu là tiền bạc. Khoảng tháng 4-2022, chị T lén lút nhắn tin với người đàn ông khác nên vợ chồng cãi nhau nhiều hơn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn. Tháng 7-2022, chị T nói dối là bị nhóm người bắt giữ và đưa đi Quảng Ngãi. Anh đã trình báo với cơ quan công an nhờ giải quyết, khi công an đến nơi chị T đang ở thì mới phát hiện chị T không phải bị bắt giữ mà đang ở cùng với một người đàn ông khác. Vợ chồng cũng sống ly thân từ tháng 7-2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị T có gọi điện qua mạng xã hội zalo để nói chuyện với 02 con, cả anh và chị T đều không muốn hàn gắn. Nay tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn với chị T.

Về nuôi con: Anh chị có 02 người con chung tên Lê Di Tuấn S, sinh ngày 15-7-2012 và Lê Di Minh Đ, sinh ngày 17-01-2015. Hiện 02 người con chung đang sống cùng với anh, do anh trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên anh không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30-10-2022, bị đơn chị Lê Bích T trình bày:

Về hôn nhân như anh X trình bày là đúng. Chị và anh X chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên không thể hàn gắn. Tháng 6-2022, chị về nhà cha mẹ ruột sống nên vợ chồng cũng ly thân cho đến nay. Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh X.

Về nuôi con: Có 02 người con chung như anh X trình bày. Chị đồng ý giao cho anh X được quyền nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Di X đối với chị Lê Bích T;

Về con chung: Giao anh X được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 01 người con chung là Lê Di Tuấn S, sinh ngày 15-7-2012 và Lê Di Minh Đ, sinh ngày 17-01-2015. Ghi nhận anh X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Di X và bị đơn chị Lê Bích T đều có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân của anh Lê Di X và chị Lê Bích T là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, theo anh X thì nguyên nhân do mâu thuẫn về tiền bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị T bỏ nhà đi và hiện đang chung sống với người đàn ông khác. Và chị T cũng thừa nhận giữa chị và anh X thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên tháng 6-2022 chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Anh X và chị T hiện đã ly thân. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh X xin ly hôn với chị T và chị T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh X, nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận ý kiến của chị T và chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh X là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con:

[3.1] Anh chị có 02 người con chung tên Lê Di Tuấn S, sinh ngày 15-7-2012 và Lê Di Minh Đ, sinh ngày 17-01-2015. Hiện 02 người con chung đang sống chung với anh X. Anh X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung.

[3.2] Xét thấy: Từ khi anh X và chị T sống ly thân, con chung do anh X trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T đồng ý giao 02 người con chung cho anh X được quyền nuôi dưỡng, giáo dục. Hơn nữa, nguyện vọng của cháu S và cháu Đ là được sống cùng với anh X và hiện nay anh X cũng có **nghề nghiệp, thu nhập ổn định** nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cho anh X được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Anh X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh X phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Di X đối với chị Lê Bích T. Anh Lê Di X được ly hôn với chị Lê Bích T.

2. Về nuôi con: Giao cho anh X được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên Lê Di Tuấn S, sinh ngày 15-7-2012 và Lê Di Minh Đ, sinh ngày 17-01-2015. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh X phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024830 ngày 25-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, anh X đã nộp xong tiền án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TNây Ninh;
- VKSND tỉnh TNây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯỜNG